

CHƯƠNG VI

ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THỰC VẬT VÀ THÂM THỰC VẬT

Dựa trên những đặc điểm cơ bản của tài nguyên và thảm thực vật, những nhu cầu về nguồn tài nguyên này của nhân dân cũng như các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của khu vực chúng tôi đưa ra những định hướng cơ bản sử dụng các nguồn tài nguyên thực vật và thảm thực vật. Các định hướng ngoài cơ sở về lợi ích kinh tế còn được đặt trong những lợi ích chung về môi trường. Do xuất phát từ nội dung của một chuyên đề trong số hàng loạt các chuyên đề những đề xuất có thể mang tính phiến diện và sẽ được hoàn chỉnh trong giai đoạn cuối.

1. Xây dựng các mô hình kinh tế sinh thái trên vùng cát mang lại lợi ích cho người dân, ổn định được môi trường. Đã có nhiều mô hình thành công và mang lại những kết quả tốt. Tỷ lệ đất lâm nghiệp/đất canh tác nông nghiệp khoảng 4/1. Chi phí cho một mô hình khoảng 100-150 USD/ha. Xây dựng các mô hình vườn rừng ở vùng núi và trung du nhằm định cư các dân tộc sống du canh, du cư. Đây là những cộng đồng dân cư sống gần như phụ thuộc rất lớn vào tài nguyên thực vật. Nhà cửa được làm bằng các loại gỗ tốt trong đó có các loài quý hiếm như Gụ, Giáng Hương, Trắc, Kiên kiên... Du canh là hình thức canh tác chính. Nhất thiết phải ổn định được đời sống của các dân tộc này cùng với xây dựng các mô hình vườn với các giống, loài phù hợp với nhu cầu của thị trường, phù hợp với điều kiện sinh thái. Nói chung, việc xây dựng thành công các mô hình cây trồng trên các khu vực nông thôn sẽ đem lại các lợi ích kinh tế, xã hội và cả môi trường. Các mô hình cây ăn quả, thâm canh lúa,

thâm canh lạc, rau an toàn, dịch vụ trồng trọt và chăn nuôi đều đã có các kết quả tốt. Các công tác khuyến nông, khuyến lâm; công tác chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật, bảo vệ thực vật cũng như các kế hoạch, cơ cấu cây trồng đều phải tiến hành song song trên một kế hoạch chung do các cơ quan chức năng thuộc tỉnh điều hành.

2. Đất lâm nghiệp có rừng của Quảng Bình có 491.282 ha chiếm 61,01% diện tích của tỉnh, trong đó rừng phòng hộ có 173.549 ha chiếm 35,32% diện tích rừng. Độ che phủ của rừng đứng thứ 3 trong toàn quốc chỉ sau Đắk Lắk, Lâm Đồng (63%). Đây là một ưu thế của tỉnh về mặt môi trường. Theo nhận định của các nhà chuyên môn trong nước cũng như quốc tế thì độ an toàn của một lưu vực vào khoảng 60-70%. Với độ che phủ này, lũ, lụt và mức độ thiệt hại trong lưu vực đặc biệt là khu vực hạ du được hạn chế. Trên thực tế, các khu rừng phòng hộ đều có chất lượng thấp: chủ yếu là rừng có trữ lượng ở mức nghèo, một phần là rừng trung bình, cấu trúc rừng kém thường có một tầng cây gỗ. Hệ thống đường mới mở ở khu vực phía Tây sẽ không thuận lợi lắm cho công tác bảo vệ các khu rừng. Công tác giao đất, giao rừng cần được tiến hành kịp thời cùng với hàng loạt các biện pháp khác như nâng cao ý thức cộng đồng về pháp luật, môi trường, ổn định cuộc sống của các dân du cư. Để bảo tồn vốn rừng được tốt cần có một chiến lược phát triển nguồn lợi lâm sản ngoài gỗ.

3. Chăn nuôi gia súc góp phần đáng kể trong phát triển kinh tế của tỉnh, đặc biệt đối với các hộ nông dân. Việc tăng số lượng gia súc là cần thiết nhưng số lượng tăng bị khống chế bởi nguồn thức ăn tự nhiên vốn có hạn. Ngoài việc tận dụng các sản phẩm phụ của sản xuất nông nghiệp như rơm, cám, thân ngô, bã dong riềng... cùng với các biện pháp chế biến thì việc nâng cao chất lượng đồng cỏ, gây dựng các đồng cỏ chuyên canh là cần thiết. Với năng suất 7-9 tấn cỏ/ha, thì phải 2 ha đồng cỏ tự nhiên mới nuôi nổi một trâu hay bò. Việc cải tạo đồng cỏ và kết hợp với một số diện tích đồng cỏ chuyên canh sẽ cho phép tăng số lượng gia súc (khoảng 4-6 con/ha) ít ảnh hưởng tới diện tích đất canh tác.